# HIỆP ĐỊNH

# GIỮA

# CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

# VÀ

# CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ MA-XÊ-ĐÔ-NI-A

# VỀ

# TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

# VÀ

# NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

# ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**VÀ**

**CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ MA-XÊ-ĐÔ-NI-A**

MONG MUỐN ký kết một Hiệp định về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thoả thuận dưới đây:

## Điều 1
## ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng đối với các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

## Điều 2
## CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1. Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2. Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm các loại thuế đối với thu nhập từ chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do doanh nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh vào giá trị tài sản tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3. Các loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này cụ thể là:

   a) tại Việt Nam:

      1) thuế thu nhập cá nhân; và

      2) thuế thu nhập doanh nghiệp;

   (sau đây gọi là "Thuế Việt Nam"); và

b) tại Ma-xê-đô-ni-a:

1) thuế thu nhập cá nhân; và

2) thuế lợi nhuận;

(sau đây gọi là "Thuế Ma-xê-đô-ni-a").

4. Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng đối với các loại thuế có tính chất tương tự hoặc về cơ bản giống như các loại thuế nêu trên được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong các luật thuế của từng Nước.

## Điều 3
## CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1. Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a) thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt Nam hoặc Ma-xê-đô-ni-a tuỳ theo ngữ cảnh đòi hỏi;

b) thuật ngữ "Việt Nam" có nghĩa là nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ đất liền, các hải đảo, nội thuỷ, lãnh hải và vùng trời phía trên đó, vùng biển ngoài lãnh hải, bao gồm cả đáy biển và lòng đất dưới đáy biển mà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực hiện chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán phù hợp với pháp luật quốc gia và pháp luật quốc tế;

c) thuật ngữ "Ma-xê-đô-ni-a" có nghĩa là nước Cộng hòa Ma-xê-đô-ni-a, và khi dùng theo nghĩa địa lý, thuật ngữ này có nghĩa là lãnh thổ mà ở đó Ma-xê-đô-ni-a có quyền tài phán hoặc các quyền chủ quyền cho mục đích thăm dò, khai thác, bảo tồn và quản lý tài nguyên thiên nhiên theo nội luật và phù hợp với luật pháp quốc tế;

d) thuật ngữ "đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

i) bất kỳ cá nhân nào mang quốc tịch của một Nước ký kết;

ii) bất kỳ pháp nhân, công ty hợp danh hoặc hiệp hội nào có tư cách theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

e) thuật ngữ "đối tượng" bao gồm một cá nhân, một công ty và bất kỳ tổ chức của nhiều đối tượng nào khác;

f) thuật ngữ "công ty" có nghĩa là bất kỳ tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là một tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

g) thuật ngữ "doanh nghiệp của Nước ký kết" và "doanh nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một doanh nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

h) thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất kỳ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một doanh nghiệp có trụ sở đăng ký tại một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia;

i) thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

i) trong trường hợp của Việt Nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng;

ii) trong trường hợp của Ma-xê-đô-ni-a, là Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ Tài chính.

2. Khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này vào bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ nào chưa được định nghĩa tại Hiệp định này sẽ có nghĩa theo như định nghĩa tại luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng vào thời điểm đó, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng của Nước đó sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của Nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

## Điều 4
## ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất kỳ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở đăng ký, trụ sở điều hành hoặc bất kỳ các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm bất kỳ đối tượng nào là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1 của Điều này, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a) cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân có nhà ở thường trú; nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b) nếu không thể xác định được Nước mà ở đó cá nhân đó có trung tâm của các quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c) nếu cá nhân đó thường xuyên sống ở cả hai Nước hoặc không thường xuyên sống ở Nước nào, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d) nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hoặc không mang quốc tịch của cả hai Nước này, các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3. Trường hợp theo các quy định tại khoản 1, một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, khi đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước nơi đối tượng đó đăng ký.

## Điều 5
## CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1. Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một địa điểm kinh doanh cố định mà qua đó doanh nghiệp thực hiện toàn bộ hoặc một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a) trụ sở điều hành;

b) chi nhánh;

c) văn phòng;

d) nhà máy;

e) xưởng;

f) kho hàng, và

g) mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác.

3. Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a) một địa điểm xây dựng, dự án xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, dự án hoặc các hoạt động này kéo dài trong một giai đoạn hơn sáu tháng;

b) việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một doanh nghiệp thực hiện thông qua những người làm công hoặc những đối tượng khác được doanh nghiệp giao thực hiện các hoạt động trên, nhưng chỉ khi các hoạt động mang tính chất nêu trên kéo dài (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) tại một nước trong một giai đoạn hoặc nhiều giai đoạn gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

c) một đối tượng tiến hành các hoạt động tại một Nước ký kết liên quan đến việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên có tại Nước ký kết đó sẽ được coi như là tiến hành kinh doanh thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết đó.

4. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a) việc sử dụng các phương tiện chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa của doanh nghiệp;

b) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c) việc duy trì kho hàng hóa của doanh nghiệp chỉ với mục đích để cho doanh nghiệp khác gia công;

d) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích thu thập thông tin cho doanh nghiệp;

e) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ cho doanh nghiệp;

f) việc duy trì một địa điểm kinh doanh cố định chỉ để phục vụ cho bất kỳ sự kết hợp nào của các hoạt động đã được nêu từ điểm a) đến điểm e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định đó trên cơ sở sự kết hợp này mang tính chất chuẩn bị hoặc phụ trợ.

5. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 6 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, doanh nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết thứ nhất đối với bất kỳ hoạt động nào mà đối tượng đó thực hiện cho doanh nghiệp, nếu đối tượng đó:

(a) có và thường xuyên thực hiện tại Nước đó thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên doanh nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng đó chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một địa điểm kinh doanh cố định, sẽ không làm cho địa điểm kinh doanh cố định đó trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hoặc

(b) không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá, qua đó đối tượng này thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá thay mặt cho doanh nghiệp.

6. Một doanh nghiệp sẽ không được coi là có một cơ sở thường trú tại một Nước ký kết chỉ vì doanh nghiệp đó thực hiện kinh doanh tại Nước đó thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của mình. Tuy nhiên, khi những hoạt động của đại lý đó dành toàn bộ hoặc hầu như toàn bộ thay mặt cho doanh nghiệp đó, và điều kiện được tạo ra hoặc áp đặt giữa doanh nghiệp đó và đại lý đó trong quan hệ thương mại và quan hệ tài chính khác với điều kiện được tạo ra giữa các doanh nghiệp độc lập, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

7. Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hoặc dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

## Điều 6
## THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1. Thu nhập mà một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo các quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán cố định hoặc không cố định trả cho việc khai thác hoặc quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3. Các quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê, hoặc sử dụng dưới bất kỳ hình thức nào khác của bất động sản.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng đối với thu nhập từ bất động sản của một doanh nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

## Điều 7
## LỢI NHUẬN KINH DOANH

1. Lợi nhuận của một doanh nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó, trừ trường hợp doanh nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia. Nếu doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia nhưng chỉ trên phần lợi nhuận phân bổ cho (a) cơ sở thường trú đó; (b) việc bán tại Nước ký kết kia những hàng hoá cùng loại hoặc tương tự như những hàng hoá bán qua cơ sở thường trú đó; hoặc (c) các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước ký kết kia cùng loại hoặc tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2. Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một doanh nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở thường trú đó có thể thu được, nếu nó là một doanh nghiệp riêng và tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hoặc tương tự trong cùng

các điều kiện như nhau hoặc tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với doanh nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3. Trong khi xác định lợi nhuận của một cơ sở thường trú, cơ sở thường trú này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc bất kỳ khoản thanh toán tương tự nào khác để được phép sử dụng bằng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của tổ chức ngân hàng. Tương tự như vậy, khi xác định lợi nhuận của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào khác của doanh nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản phí hoặc các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng sáng chế hoặc các quyền khác, hoặc dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hoặc trả cho công việc quản lý, hoặc dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của doanh nghiệp hoặc bất kỳ văn phòng nào của doanh nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của tổ chức ngân hàng.

4. Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi nhuận được phân bổ cho một cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp thành những phần khác nhau, không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi nhuận chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ trên; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc nêu tại Điều này.
5. Theo nội dung các khoản trên, các khoản lợi nhuận được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp giữa các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để xác định theo phương pháp khác.

6. Khi lợi nhuận bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi các quy định tại Điều này.

## Điều 8
## VẬN TẢI BIỂN VÀ VẬN TẢI HÀNG KHÔNG

1. Lợi nhuận từ hoạt động của tàu thuỷ hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký.

2. Các quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi nhuận từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hoặc một hãng hoạt động quốc tế.

## Điều 9
## CÁC DOANH NGHIỆP LIÊN KẾT

1. Khi

   a) một doanh nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

   b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc điều hành, kiểm soát hoặc góp vốn vào một doanh nghiệp của một Nước ký kết và vào một doanh nghiệp của Nước ký kết kia,

   và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ thương mại hoặc tài chính giữa hai doanh nghiệp trên có những điều kiện được xác lập hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các doanh nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp có thể thu được nếu không có các điều kiện trên, nhưng nay vì các điều kiện này mà doanh nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn được tính vào các khoản lợi nhuận của doanh nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

2. Khi một Nước ký kết tính vào các khoản lợi nhuận của một doanh nghiệp tại Nước đó – và đánh thuế tương ứng – các khoản lợi nhuận mà một doanh nghiệp tại Nước ký kết kia đã bị đánh thuế ở Nước kia và những khoản lợi nhuận được tính vào như vậy là những khoản lợi nhuận lẽ ra thuộc về doanh nghiệp tại Nước thứ nhất nếu như những điều kiện xác lập giữa hai doanh nghiệp trên là những điều kiện được xác lập giữa các doanh nghiệp độc lập, khi đó Nước kia sẽ điều chỉnh các khoản thuế tại Nước mình đối với các khoản lợi nhuận trên cho phù hợp. Trong khi xác định sự điều chỉnh trên sẽ xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này và các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ tham khảo ý kiến của nhau khi cần thiết.

## Điều 10
## TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1. Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

   a) 5 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 70 phần trăm vốn của công ty trả lãi cổ phần;

   b) 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty nắm giữ trực tiếp ít nhất 25 phần trăm nhưng thấp hơn 70 phần trăm vốn của công ty trả lãi cổ phần;

   c) 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

   Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi nhuận dùng để chia lãi cổ phần.

3. Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các cổ phần, cổ phần "jouissance" hoặc các quyền lợi "jouissance", cổ phần khai thác mỏ, cổ phần sáng lập hoặc các quyền lợi khác không phải các khoản nợ, được hưởng lợi nhuận, cũng như thu nhập từ các quyền lợi công ty khác cùng chịu sự điều chỉnh của chính sách thuế đối với thư nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty thực hiện phân chia là đối tượng cư trú.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước đó, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia, và việc nắm giữ mà theo đó các khoản tiền lãi cổ phần được trả, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp

như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước ký kết kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp các khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, đồng thời Nước ký kết kia cũng không buộc các khoản lợi nhuận không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi nhuận không chia của công ty, cho dù các khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi nhuận không chia bao gồm toàn bộ hoặc một phần các khoản lợi nhuận hoặc thu nhập phát sinh tại Nước ký kết kia.

## Điều 11
## LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1. Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số khoản lãi từ tiền cho vay.

3. Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" sử dụng tại Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ hình thức nào, có hoặc không được đảm bảo bằng thế chấp, và có hoặc không có quyền được hưởng lợi nhuận của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu công ty, bao gồm cả tiền thưởng và giải thưởng đi liền với các chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu công ty đó. Các khoản phạt trả chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo quy định của Điều này.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc

lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước ký kết kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó, hoặc với (b) các hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản lãi từ tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

## Điều 12
## TIỀN BẢN QUYỀN

1. Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Tuy nhiên, các khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh tiền bản quyền và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng thực hưởng tiền bản quyền là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3. Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng tại Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán dưới bất kỳ hình thức nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bất kỳ bản quyền tác giả nào của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hoặc khoa học, kể cả phim điện ảnh, hoặc các loại phim hoặc băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bất kỳ sáng chế, nhãn hiệu, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hoặc trả cho việc

sử dụng, hoặc quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hoặc trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4. Những quy định tại các khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú có tại Nước ký kết kia, hoặc tiến hành tại Nước ký kết kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định có tại Nước ký kết kia, và quyền hoặc tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó, hoặc (b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5. Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả chính là Nhà nước đó, chính quyền địa phương hoặc một đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hoặc không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hoặc một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh, và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi có cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó.

6. Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin có số tiền bản quyền được trả vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

## Điều 13
## THU NHẬP TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1. Thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Thu nhập từ chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia, hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả thu nhập từ chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (chuyển nhượng riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ doanh nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó, có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3. Thu nhập từ chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế, hoặc từ chuyển nhượng động sản gắn liền với hoạt động của tàu thủy hoặc máy bay, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký.

4. Thu nhập thu được từ chuyển nhượng các cổ phần trong vốn cổ phần của một công ty, hoặc phần quyền lợi trong một công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản, mà tài sản của các tổ chức này chủ yếu trực tiếp hoặc gián tiếp bao gồm bất động sản có tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia. Theo nội dung của khoản này, "chủ yếu" liên quan đến quyền sở hữu bất động sản có nghĩa là giá trị của bất động sản đó vượt quá 50 phần trăm giá trị gộp của tất cả các tài sản do công ty, công ty hợp danh, tín thác hoặc di sản sở hữu.

5. Thu nhập thu được từ chuyển nhượng các cổ phiếu không phải là các cổ phiếu được đề cập tới tại khoản 4 trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6. Thu nhập từ chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại khoản các 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

## Điều 14
## DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1. Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hoặc các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp dưới đây, khi đó các khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

   (a) nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

(b) nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hoặc vượt quá 183 ngày trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hoặc giảng dạy mang tính chất độc lập cũng như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

## Điều 15
## DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1. Thể theo những quy định tại các Điều 16, 18 và 19, các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu lao động làm công được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2. Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước ký kết kia trong một khoảng thời gian hoặc nhiều khoảng thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn mười hai tháng bắt đầu hoặc kết thúc trong năm dương lịch có liên quan, và

b) chủ lao động hay đối tượng đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c) số tiền thù lao không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà chủ lao động có tại Nước kia.

3. Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công thu được từ lao động làm trên tàu thuỷ hoặc máy bay hoạt động trong vận tải quốc tế có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi doanh nghiệp đăng ký.

## Điều 16
## THÙ LAO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của Ban giám đốc hoặc một nhân viên quản lý cao cấp của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

## Điều 17
## NGƯỜI BIỂU DIỄN VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1. Mặc dù có những quy định tại các Điều 14 và 15, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hoặc truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết kia.

2. Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại các Điều 7, 14 và 15.

3. Mặc dù đã có những quy định tại các khoản 1 và 2, thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động cá nhân với tư cách là một người biểu diễn hoặc vận động viên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó nếu các hoạt động này được thực hiện tại Nước ký kết kia theo một chương trình trao đổi văn hoá hoặc thể thao giữa Chính phủ của hai Nước ký kết.

## Điều 18
## TIỀN LƯƠNG HƯU

Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản thù lao tương tự khác được trả cho một đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

## Điều 19
## PHỤC VỤ CHÍNH PHỦ

1. a) Các khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó trả cho một cá nhân đối với các công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

   b) Tuy nhiên, khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nêu trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước ký kết kia và cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, đồng thời:

      i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia; hoặc

      ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước ký kết kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2. a) Tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một Nước ký kết hoặc một chính quyền địa phương của Nước ký kết đó, hoặc do các quỹ của những cơ quan này lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

   b) Tuy nhiên, khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3. Những quy định của các Điều 15, 16, 17 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc chính quyền địa phương của Nước ký kết đó.

## Điều 20
## SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Những khoản tiền mà một sinh viên hoặc thực tập sinh nhận được để trang trải các khoản chi phí sinh hoạt, học tập hoặc đào tạo mà người sinh viên hoặc thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đang hoặc đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học

tập hoặc đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản thanh toán đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước đó.

## Điều 21
## THU NHẬP KHÁC

1. Các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, cho dù phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến tại những Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2. Các quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận thu nhập là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước ký kết kia, hoặc thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hoặc tài sản liên quan đến số thu nhập được trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định như trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14 sẽ được áp dụng.

3. Mặc dù có những quy định tại các khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập đến tại các Điều trên của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

## Điều 22
## CÁC BIỆN PHÁP XOÁ BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1. Trường hợp một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được thu nhập, mà phù hợp với các quy định của Hiệp định này, có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia, Nước ký kết thứ nhất sẽ cho phép khấu trừ vào thuế tính trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tiền tương đương với số thuế thu nhập đã nộp tại Nước kia.

   Tuy nhiên, số thuế khấu trừ trong cả hai trường hợp đó sẽ không vượt quá phần thuế thu nhập được tính trước khi cho phép khấu trừ, tùy từng trường hợp, được phân bổ cho khoản thu nhập có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2. Trường hợp, phù hợp với bất kỳ quy định nào của Hiệp định, thu nhập do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được được miễn thuế tại

Nước kia, tuy nhiên, khi tính số thuế thu trên thu nhập còn lại của đối tượng cư trú đó, Nước đó có thể tính đến khoản thu nhập được miễn đó.

3. Theo nội dung cho phép khấu trừ khoản thuế nộp tại một Nước ký kết, thuế nộp tại Nước ký kết kia sẽ được coi như bao gồm cả số thuế đáng ra phải nộp tại Nước kia nhưng được giảm hoặc miễn theo các quy định của pháp luật về ưu đãi thuế của Nước đó.

## Điều 23
## KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Các đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu tại Nước ký kết kia bất kỳ chế độ thuế nào hoặc bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể áp dụng cho những đối tượng mang quốc tịch của Nước kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau, nhất là trên phương diện cư trú.

2. Chế độ thuế áp dụng đối với một cơ sở thường trú của một doanh nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn tại Nước ký kết kia so với chế độ thuế áp dụng cho các doanh nghiệp của Nước ký kết kia cùng tiến hành các hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được giải thích là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào vì lợi ích của thân phận dân sự hoặc trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết đó dành cho đối tượng cư trú của Nước mình được hưởng.

3. Trừ trường hợp áp dụng các quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 6 Điều 11 hoặc khoản 6 Điều 12, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền và các khoản thanh toán khác do một doanh nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khi xác định các khoản lợi nhuận chịu thuế của doanh nghiệp đó, sẽ được tính vào chi phí theo cùng các điều kiện nếu như các khoản tiền đó được trả cho đối tượng cư trú của Nước thứ nhất.

4. Các doanh nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hoặc một phần vốn do một hoặc nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia sở hữu hoặc kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp, sẽ không phải chịu tại Nước thứ nhất bất kỳ chế độ thuế hoặc yêu cầu liên quan đến chế độ thuế đó khác với hoặc nặng hơn chế độ thuế và những yêu cầu liên quan hiện đang hoặc có thể được áp dụng cho các doanh nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

5. Những quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế bao gồm trong Hiệp định này.

## Điều 24
## THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1. Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của một hoặc cả hai Nước ký kết làm cho hoặc sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng với những quy định của Hiệp định này, mặc dù trong nội luật của các Nước đó đã quy định về chế độ xử lý khiếu nại, đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết mà đối tượng đó là đối tượng cư trú hoặc, nếu trường hợp của đối tượng đó thuộc khoản 1 Điều 23, với nhà chức trách có thẩm quyền của một trong hai Nước ký kết. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn ba năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến chế độ thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2. Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Mọi thỏa thuận đạt được sẽ được thực hiện không căn cứ vào những giới hạn thời gian ghi trong nội luật của hai Nước ký kết.

3. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cùng nhau cố gắng giải quyết bằng thỏa thuận chung mọi khó khăn hoặc vướng mắc nảy sinh trong quá trình giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này. Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong các trường hợp không được quy định tại Hiệp định.

4. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể liên hệ trực tiếp với nhau nhằm mục đích đạt được một thỏa thuận theo nội dung những khoản trên đây.

## Điều 25
## TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau các thông tin dự đoán có thể cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hoặc việc quản lý hoặc thực thi nội luật của từng Nước ký kết liên quan đến các loại thuế được đánh bởi hoặc đại diện của các Nước ký kết trong phạm vi việc đánh thuế không trái với Hiệp định này. Việc trao đổi thông tin không bị giới hạn bởi Điều 1.

2. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được theo khoản 1 sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo nội luật của Nước này và thông tin đó sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán hoặc thu, cưỡng chế hoặc truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế nêu tại khoản 1, hoặc giám sát các nội dung trên. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức năng này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hoặc trong các quyết định của tòa án.

3. Không có trường hợp nào mà những quy định tại các khoản 1 và 2 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

   a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hoặc thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   b) cung cấp các thông tin không thể tiết lộ được theo các luật hoặc theo như quá trình quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hoặc của Nước ký kết kia;

   c) cung cấp các thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mua bán, kinh doanh, công nghiệp, thương mại hoặc bí mật nghề nghiệp hoặc các quy trình kinh doanh, hoặc cung cấp các thông tin mà việc tiết lộ chúng có thể trái với chính sách nhà nước (chính sách công cộng).

4. Nếu thông tin do một Nước ký kết yêu cầu phù hợp với Điều này, Nước ký kết kia sẽ sử dụng các biện pháp thu thập thông tin của mình để có được các thông tin theo yêu cầu, mặc dù Nước kia có thể không cần các thông tin như vậy cho mục đích thuế của mình. Nghĩa vụ được quy định tại câu trên phụ thuộc vào các giới hạn tại khoản 3 nhưng trong mọi trường hợp, các giới hạn này không có nghĩa là cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì Nước ký kết đó không có lợi ích trong nước đối với các thông tin như vậy.

5. Trong mọi trường hợp, các quy định tại khoản 3 sẽ không cho phép một Nước ký kết từ chối việc cung cấp thông tin chỉ vì thông tin do một ngân hàng, tổ chức tài chính, đối tượng được chỉ định hoặc đối tượng với tư cách đại lý hoặc đối tượng được uỷ thác khác nắm giữ hoặc chỉ vì thông tin có liên quan tới các lợi ích về sở hữu trong một đối tượng.

## Điều 26
## CÁC THÀNH VIÊN CƠ QUAN ĐẠI DIỆN NGOẠI GIAO VÀ CƠ QUAN ĐẠI DIỆN LÃNH SỰ

Không có nội dung nào tại Hiệp định này ảnh hưởng đến các ưu đãi về thuế của các thành viên cơ quan đại diện ngoại giao hoặc cơ quan đại diện lãnh sự theo các nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hoặc các quy định tại các hiệp định đặc biệt.

## Điều 27
## HIỆU LỰC

1. Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia biết bằng văn bản thông qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo luật pháp của nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày nhận được thông báo sau cùng.

2. Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

   a) tại Việt Nam:

      i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

      ii) đối với các khoản thuế Việt Nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

   b) tại Ma-xê-đô-ni-a:

      i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

      ii) đối với các khoản thuế Ma-xê-đô-ni-a khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 sau năm dương lịch Hiệp định có hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

## Điều 28
## CHẤM DỨT HIỆU LỰC

Hiệp định này có hiệu lực cho đến khi một Nước ký kết chấm dứt hiệu lực. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao có thể chấm dứt hiệu lực Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo chấm dứt hiệu lực Hiệp định ít nhất sáu tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu từ sau thời hạn năm năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp này, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a) tại Việt Nam:

i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch nhận được thông báo kết thúc hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

ii) đối với các khoản thuế Việt Nam khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch nhận được thông báo kết thúc hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

b) tại Ma-xê-đô-ni-a:

i) đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế nhận được vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch nhận được thông báo kết thúc hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo; và

ii) đối với các khoản thuế Ma-xê-đô-ni-a khác, liên quan đến thu nhập, lợi nhuận hoặc thu nhập từ chuyển nhượng tài sản phát sinh vào ngày hoặc sau ngày 01 tháng 01 tiếp sau năm dương lịch nhận được thông báo kết thúc hiệu lực, và trong các năm dương lịch tiếp theo.

ĐỂ LÀM BẰNG những người có tên dưới đây, được sự uỷ quyền hợp thức của Chính phủ nước mình, đã ký vào Hiệp định này.

LÀM tại Skopje, ngày 15 tháng 10 năm 2014 thành hai bản bằng tiếng Việt, tiếng Ma-xê-đô-ni-a, và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị như nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau, văn bản tiếng Anh sẽ được dùng làm cơ sở.

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI**
**CHỦ NGHĨA**
**VIỆT NAM**

LÊ ĐỨC LƯU
ĐẠI SỨ NƯỚC CHXHCN
VIỆT NAM TẠI CỘNG HÒA
MA-XÊ-ĐÔ-NI-A

**THAY MẶT CHÍNH PHỦ**
**NƯỚC CỘNG HOÀ**
**MA-XÊ-ĐÔ-NI-A**

ARDIAN XHELADINI
THỨ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH –
NƯỚC CỘNG HÒA MA-XÊ-ĐÔ-NI-A

# ДОГОВОР

# МЕЃУ
# ВЛАДАТА НА СОЦИЈАЛИСТИЧКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ
# И
# ВЛАДАТА НА РЕПУБЛИКА МАКЕДОНИЈА

# ЗА ОДБЕГНУВАЊЕ НА ДВОЈНОТО ОДАНОЧУВАЊЕ И ЗА ЗАШТИТА ОД ФИСКАЛНА ЕВАЗИЈА ПО ОДНОС НА ДАНОЦИТЕ НА ДОХОД

**ВЛАДАТА НА СОЦИЈАЛИСТИЧКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ**

**И**

**ВЛАДАТА НА РЕПУБЛИКА МАКЕДОНИЈА**

со желба да склучат договор за одбегнување на двојното оданочување и за заштита од фискална евазија по однос на даноците на доход,

се договорија за следново:

Член 1

## ЛИЦА НА КОИ СЕ ПРИМЕНУВА ДОГОВОРОТ

Овој договор ќе се применува на лицата кои се резиденти на едната или на двете држави договорнички.

Член 2

## ДАНОЦИ НА КОИ СЕ ПРИМЕНУВА ДОГОВОРОТ

1. Овој договор ќе се применува на даноците на доход кои ги воведува државата договорничка или нејзините локални власти, независно од начинот на кои тие се наплатуваат.

2. Под даноци на доход се сметаат сите даноци кои се воведуваат на вкупниот доход или на делови на доходот, вклучувајќи ги и даноците на добивки од отуѓување на подвижен или недвижен имот, даноците на вкупните износи на платите или надоместоците кои ги исплатуваат претпријатијата, како и даноците на прираст на капиталот.

3. Постојните даноци на кои ќе се применува овој договор се:

а) во Виетнам:

1) персонален данок на доход; и

2) данок на доход од вршење на деловна дејност;

(во натамошниот текст "виетнамски данок").

б) во Македонија:

1) персонален данок на доход; и

2) данок на добивка;

(во натамошниот текст "македонски данок"); и

4. Овој договор ќе се применува исто така и на секои исти или суштински слични даноци кои ќе се воведат по датумот на потпишување на овој договор покрај или на местото на постојните даноци. Надлежните органи на државите договорнички ќе ги соопштуваат една на друга сите значајни промени кои ги имаат извршено во нивните важечки даночни закони.

Член 3

## ОПШТИ ДЕФИНИЦИИ

1. За потребите на овој договор, освен ако во контекст на ова не се бара поинаку:

а) изразите "држава договорничка" и "друга држава договорничка" означуваат Македонија или Виетнам, зависно од смислата;

б) изразот "Виетнам" ја означува Социјалистичка Република Виетнам, а употребен во географска смисла, ја означува нејзината копнена територија, острови, внатрешни води, територијално море и воздушниот простор над нив, поморските области над територијалното море, вклучувајќи го морското дно и тло, над кои Социјалистичка Република Виетнам, во согласност со нејзиното законодавство и меѓународното право има суверенитет,суверени права и надлежност;

в) изразот "Македонија" ја означува Република Македонија, а употребен во географска смисла ја означува нејзината територијата над која има надлежност или има суверени права заради истражување, експлоатација, конзервирање и управување со природните богатства во согласност со нејзиното законодавство и меѓународното право;

г) изразот "државјанин" означува:

i) секое физичко лице кое поседува државјанство на државата договорничка;

ii) секое правно лице, партнерство или асоцијација кое таквиот свој статус го остварува според важечките закони на државата договорничка;

д) изразот "лице" означува секое физичко, друштво и било кое друштво на лица;

ѓ) изразот "друштво" означува секое правно лице или целина која се третира како правно лице за даночни цели;

е) изразот "претпријатие на државата договорничка" и "претпријатие на другата држава договорничка" означува претпријатие со кое управува резидент на државата договорничка и претпријатие со кое управува резидент од другата држава договорничка;

ж) изразот "меѓународен сообраќај" означува било кој превоз со брод или воздухоплов кој го врши претпријатие чие место на регистрација се наоѓа во државата договорничка, освен ако бродот или воздухопловот се користи исклучиво помеѓу места кои се наоѓаат во другата држава договорничка;

з) изразот "надлежен орган" означува:

i) во случајот на Виетнам, Министерот за финансии, односно негов овластен претставник.;

ii) во случајот на Македонија, Министерството за финансии, односно негов овластен претставник;

2. Кога државата договорничка го применува овој договор, во било кое време, секој израз кој што не е дефиниран со договорот ќе има значење, освен ако контекстот не бара поинаку, според законот на таа држава договорничка кој се однесува на даноците на кои овој договор се применува. Секое значење според даночните закони на таа држава договорничка кои се во сила, има предност во однос на значењето кое на тој израз му го даваат другите закони на таа држава договорничка.

Член 4

**РЕЗИДЕНТ**

1. Изразот "резидент на државата договорничка", за потребите на овој договор, означува било кое физичко лице кое, во согласност со законодавството на таа држава договорничка, подлежи на оданочување во таа држава по основ на живеалиште, престојувалиште, место на регистрација, седиште на управување или друг критериум од слична природа. Меѓутоа, изразот не вклучува било кое лице кое подлежи на данок во таа држава договорничка, само по однос на приходот кој го остварува од извори кои се наоѓаат во таа држава договорничка.

2. Кога во согласност со одредбите на став 1 на овој член, физичко лице е резидент на двете држави договорнички, неговиот статус се определува на следниот начин:

а) ќе се смета дека е резидент само на државата договорничка во

која има постојано место на живеење кое му е на располагање; ако има постојано место на живеење во двете држави договорнички, ќе се смета дека е резидент само на државата договорничка со која неговите лични и економски врски се потесни (средиште на животни интереси);

б) доколку не може да се определи државата договорничка во која има средиште на животни интереси, или ако ни во една држава договорничка нема постојано место на живеење, ќе се смета дека е резидент само на државата договорничка во која има вообичаено место на живеење;

в) ако има вообичаено место на живеење во двете држави договорнички или нема во ниту една од нив, ќе се смета дека е резидент само на државата чиј е државјанин;

г) ако е државјанин на двете држави или на ниедна од нив надлежните органи на државите договорнички ќе го решат прашањето по пат на заеднички договор.

3. Кога во согласност со одредбите на став 1 на овој член, лицето освен физичкото, е резидент на двете држави договорнички, тогаш ќе се смета дека е резидент само на државата договорничка во која истото е регистрирано.

Член 5

## ПОСТОЈАНА ДЕЛОВНА ЕДИНИЦА

1. Изразот "постојана деловна единица" за целите на овој договор, означува постојано место на активност преку кое претпријатието го врши потполно или делумно своето работење.

2. Изразот "постојана деловна единица"означува особено:

а) седиште на управата;

б) подружница;

в) деловница;

г) фабрика;

д) склад;

ѓ) работилница и

е) рудник, извор на нафта или гас, каменолом или било кое друго место за искористување на природните богатства.

3. Изразот "постојана деловна единица" исто така вклучува:

а) градежни локалитети, конструкција, монтажа, или инсталирање проекти или било која надзорна активност поврзана со таквиот локалитет,проект или активности кои траат подолго од шест месеци;

б) обезбедувањето услуги, вклучувајќи консултантски услуги, од страна на претпријатие на држава договорничка преку вработени или друг персонал ангажирани од страна на претпријатието за тие цели, само доколку активностите од таква природа во државата договорничка продолжат (за истиот или поврзан проект) за период или периоди вкупно повеќе од шест месеци во рамки на било кој дванаесет месечен период.

в) лице кое во државата договорничка извршува активности кои се поврзани со истражувањето и искористувањето на природни богатства кои се наоѓаат во другата држава договорничка, ќе се смета како извршување на деловни активности преку постојана деловна единица во држава договорничка.

4. По исклучок на претходните одредби на овој член, под изразот "постојана деловна единица" ќе се смета дека не се вклучува:

а) користењето на објектите исклучиво со цел за складирање или изложување на добра или стоки кои му припаѓаат на претпријатието;

б) одржување на залихи на добра или стоки кои му припаѓаат на претпријатието исклучиво со цел за складирање или изложување;

в) одржување на залихи на добра и стоки кои му припаѓаат на претпријатието исклучиво со цел да бидат преработени од друго претпријатие;

г) одржување на утврденото деловно место на работење исклучиво со цел за прибирање на информации за претпријатието;

д) одржување на утврденото деловно место исклучиво со цел вршење за претпријатието, било која друга активност која е од подготвителен или помошен карактер;

ѓ) одржување на утврденото деловно место исклучиво со цел комбинирано вршење на активностите наведени во точките од а) до д), доколку целокупната активност на утврденото деловно место што ќе настане од оваа комбинација е од подготвителен или помошен карактер.

5. По исклучок на одредбите од ставовите 1 и 2 на овој член, кога лице - освен застапник со независен статус на кого се применува ставот 6 на овој член - делува во име на претрпијатие во другата држава договорничка, тоа претпријатие ќе се смета дека има постојана деловна единица во

првоспоменатата држава договорничка во однос на било кои активности кои тоа лице ги презема за претпријатието, доколку таквото лице:

а) има и вообичаено ја остварува надлежноста да во таа држава договорничка склучува договори во име на претпријатието, освен ако активностите на тоа лице се ограничени на оние кои се споменати во ставот 4 на овој член кои, ако се вршат преку постојано место на делување, не би го направиле ова постојано место на делување постојана деловна единица согласно одредбите на тој став или

б) нема таква надлежност, но вообичаено одржува во првоспоменатата држава договорничка залихи на добра и услуги од кои редовно испорачува добра или стоки во име на претпријатието.

6. Нема да се смета дека претпријатието на државата договорничка има постојана деловна единица во другата држава договорничка само поради тоа што во таа друга држава врши дејност преку посредник, генерален комисионен застапник или друг застапник со независен статус, доколку овие лица делуваат во рамките на своите редовни деловни активности. Меѓутоа, кога активностите на таквиот застапник се посветени во целост или делумно во име на таквото претпријатие, а условите кои се утврдени или воведени помеѓу таквото претпријатие и застапникот во нивните комерцијални и финансиски односи, се разликуваат од оние кои би постоеле помеѓу независни претпријатија, тоа лице нема да се смета како застапник со независен статус во смисла на овој став.

7. Фактот што едно друштво кое е резидент на државата договорничка контролира или е под контрола на друштво кое е резидент на другата држава договорничка, или кое го врши работењето во таа друга држава договорничка (било преку постојана деловна единица или на друг начин), само по себе не значи дека едно друштво може да стане постојана деловна единица на другото друштво.

## Член 6
## ДОХОД ОД НЕДВИЖЕН ИМОТ

1. Доходот кој резидент на државата договорничка го остварува од недвижен имот (вклучувајќи го и доходот од земјоделство и шумарство) кој се наоѓа во другата држава договорничка може да се оданочи во таа друга држава.

2. Изразот "недвижен имот" го има значењето како во законите на државата договорничка во која се наоѓа предметниот имот. Овој израз во секој случај го опфаќа и придружниот имот кој му припаѓа на недвижниот имот, сточниот фонд и опремата која се користи во земјоделството и

шумарството, правата на кои се применуваат општите одредби за сопственоста на земјиштето, плодоуживање на недвижностите и правата на променливите или постојаните плаќања како надоместок за работата, или за правото да се извршува работата, на минералните наоѓалишта, изворите и другите природни богатства. Бродовите и воздухопловите нема да се сметаат за недвижен имот.

3. Одредбите од ставот 1 на овој член, ќе се применуваат на доходот кој ќе се оствари од непосредно користење, изнајмување или друг начин на користење на недвижниот имот.

4. Одредбите од ставовите 1 и 3 на овој член, ќе се применуваат и на доходот од недвижен имот на претпријатието и на доходот од недвижен имот кој се користи за вршење на самостојни лични услуги.

Член 7

## ДОБИВКА ОД ВРШЕЊЕ НА ДЕЈНОСТ

1. Добивката на претпријатието на државата договорничка ќе се оданочува само во таа држава договорничка, освен доколку претпријатието врши дејност во другата држава договорничка преку постојана деловна единица која се наоѓа во другата држава договорничка. Ако претпријатието врши дејност на тој начин, добивките на претпријатието можат да се оданочуваат во другата држава договорничка, но само за оној износ кој се припишува на а) таа постојана деловна единица; б) продажбата во таа друга држава договорничка на добра или стоки од ист или сличен карактер како што се оние кое се продаваат преку таа постојана деловна едница; или в) други деловни активности кои се извршуваат во таа друга држава договорничка од ист или сличен карактер како оние кои се резултат на таа постојана деловна единица.

2. Во зависност од одредбите од ставот 3 на овој член, кога претпријатието на државата договорничка врши дејност во другата држава договорничка преку постојана деловна единица која таму се наоѓа, во секоја држава договорничка на таа постојана деловна единица и се припишува добивката која би можела да се оствари доколку би била одвоено и посебно претпријатие кое врши иста или слична дејност под исти или слични услови и како да делувала потполно независно од претпријатието чија е постојана деловна единица.

3. При утврдување на добивката на постојаната деловна единица, како одбитоци се признаваат трошоците кои се извршени за потребите на постојаната деловна единица, вклучувајќи ги и трошоците на управување и општите административни трошоци, било во државата во која се наоѓа постојаната деловна единица или на друго место. Меѓутоа, како одбитоци, нема да се признаваат износите, доколку ги има, платени (освен оние за надоместување на вистинските трошоци) од страна на постојаната деловна единица на главното седиште на претпријатието или на другите негови деловници, во вид на авторски хонорари, такси или други слични плаќања за возврат на користењето на патенти или други права, или во вид на провизија, за извршените посебни услуги или за управување, или освен во случај на банкарско претпријатие, во вид на камата за позајмените пари на постојаната деловна единица. На ист начин, при утврдувањето на добивките на постојаната деловна единица нема да бидат земени во предвид, износите кои постојаната деловна единица ги наплатила (на поинаков начин од надоместувањето на вистинските трошоци) на главното седиште на претпријатието или на другите негови деловници, во вид на авторски права, такси или други слични плаќања за возврат на користењето на патенти или други права, или во вид на провизија, за извршените посебни услуги или за управување, или освен во случај на банкарско претпријатие, во вид на камата за позајмените пари на главното седиште претпријатието или на другите негови деловници.

4. Доколку е вообичаено во државата договорничка добивките кои се припишуваат на постојаната деловна единица да се одредуваат врз основа на распределбата на вкупната добивка на претпријатието на неговите посебни делови, одредбата од став 2 на овој член, не ја спречува таа држава договорничка со таквата вообичаена распределба да ја одреди добивката која се оданочува; усвоениот метод на распределба треба да биде таков што резултатот ќе биде во согласност со начелата кои се содржани во овој член.

5. За потребите на претходните ставови, добивката која се припишува на постојаната деловна единица се определува со ист метод од година во година, освен ако постои оправдана и доволна причина да се постапи поинаку.

6. Кога добивките опфаќаат делови од приход кои се регулирани со посебни членови од овој договор, одредбите од овој член не влијаат на одредбите на тие членови.

Член 8

## БРОДСКИ И ВОЗДУШЕН ТРАНСПОРТ

1. Добивките остварени од работење во меѓународен сообраќај со бродови или воздухоплови, ќе се оданочуваат само во државата договорничка во која претпријатието е регистрирано.

2. Одредбите од ставот 1 на овој член, се применуваат и на добивките остварени од учество во пул, заедничко вложување или меѓународна деловна единица.

Член 9

**ПОВРЗАНИ ПРЕТПРИЈАТИЈА**

1. Кога

а) претпријатие на државата договорничка учествува непосредно или посредно во управувањето, контролата или капиталот на претпријатието на другата држава договорничка, или

б) исти лица учествуваат непосредно или посредно во управувањето, контролата или капиталот на претпријатието на државата договорничка и на претпријатието на другата држава договорничка,

и ако и во двата случаи, помеѓу тие две претпријатија во нивните трговски или финансиски односи се создадени или наметнати услови различни од условите кои би биле создадени помеѓу независни претпријатија, тогаш секоја добивка која под тие услови е припишана на едно од претпријатијата, или поради тие услови не е припишана, може да биде вклучена во добивката на тоа претпријатие и соодветно оданочена.

2. Кога државата договорничка ја вклучува во добивката на претпријатието од таа држава - и ја оданочува соодветно - добивката за која претпријатието од другата држава договорничка било оданочено во таа друга држава, а вклучената добивка е добивка што би настанала од претпријатието од првоспоменатата држава ако условите создадени помеѓу двете претпријатија се како помеѓу независни претпријатија, тогаш таа друга држава ќе направи соодветно прилагодување на износот на данокот утврден на таа добивка. При одредувањето на ваквото прилагодување, ќе се води сметка и за другите одредби од овој договор и доколку е потребно надлежните органи на државите договорнички ќе се консултираат една со друга.

Член 10

**ДИВИДЕНДИ**

1. Дивидендите исплатени од друштво кое е резидент на државата договорничка на резидент на другата држава договорничка, можат да се оданочуваат во таа друга држава договорничка.

2. Меѓутоа, таквите дивиденди можат да се оданочат и во државата договорничка чиј резидент е друштвото кое ги исплатува дивидендите во

согласност со законите на таа држава договорничка, но ако стварниот корисник на тие дивиденди е резидент на другата држава договорничка, така обложениот данок не може да надмине повеќе од:

а) 5 проценти од бруто износот на дивидендите ако стварниот корисник е друштво кое поседува непосредно најмалку 70 проценти од капиталот на друштвото кое ги исплатува дивидендите;

б) 10 проценти од бруто износот на дивидендите ако стварниот корисник е друштво кое поседува непосредно најмалку 25 проценти но помалку од 70 проценти од капиталот на друштвото кое ги исплатува дивидендите;

в) 15 проценти од бруто износот од дивидендите во сите други случаи.

Овој став не влијае на оданочувањето на добивката на друштвото од која дивидендите се исплатуваат.

3. Изразот "дивиденди", употребен во овој член го означува доходот од акции, "jouissance" акции или "jouissance" права, рударски акции, основачки акции или други права на учество во добивката кои не се побарувања на долгови, како и доходот од други корпоративни права кој по однос на оданочувањето има ист третман како и доходот од акциите според законите на државата чиј резидент е друштвото кое врши распределба.

4. Одредбите од ставовите 1 и 2 на овој член, нема да се применуваат ако стварниот корисник на дивидендите, резидент на државата договорничка, врши дејност во другата држава договорничка чиј резидент е друштвото кое ги исплатува дивидендите преку постојана деловна единица која се наоѓа во таа друга држава или врши самостојни лични услуги од постојано место кое се наоѓа во таа друга држава, а правото по однос на кое дивидендите се платени е стварно поврзано со таквата постојана деловна единица или постојано место. Во тој случај ќе се применуваат одредбите на член 7 или член 14 од овој договор.

5. Кога друштвото кое е резидент на државата договорничка остварува добивка или доход од другата држава договорничка, таа друга држава договорничка не може да воведе данок на дивидендите кои ги исплатува друштвото, освен ако тие дивиденди се исплатени на резидентот на другата држава договорничка или ако правото врз основа на кое се исплаќаат дивидендите е стварно поврзано со постојаната деловна единица или постојаното место кое се наоѓа во таа друга држава договорничка, ниту нераспределената добивка на друштвото да ја оданочува со данок на нераспределените добивки на друштвото, дури и ако исплатените дивидендите или нераспределената добивка потполно или делумно се

состои од добивката или доходот кои настанале во таа друга држава договорничка.

Член 11
**КАМАТА**

1. Каматата која настанува во државата договорничка и се исплатува на резидент на другата држава договорничка може да се оданочи во таа друга држава договорничка.

2. Меѓутоа, оваа камата може исто така да биде оданочена и во државата договорничка во која настанува, во согласност со законите на таа држава договорничка, но ако стварниот корисник на каматата е резидент на другата држава договорничка, така обложениот данок не може да надмине 10 проценти од вкупниот износ на каматата.

3. Изразот "камата" употребен во овој член означува доход од побарувања од секаков вид долг, независно од тоа дали се обезбедени со хипотека и дали по основ на нив се стекнува право на учество во добивката на должникот, и особено доход од хартии од вредност на владата и доход од обврзници, вклучувајќи ги и премиите и наградите во врска со тие хартии од вредност или обврзници. Казнените камати платени за задоцнети плаќања не се сметаат за камати за потребите на овој член.

4. Одредбите од ставовите 1 и 2 на овој член, нема да се применуваат ако стварниот корисник на каматата, резидент на државата договорничка, врши дејност во другата држава договорничка во која настанала каматата, преку постојана деловна единица која се наоѓа во таа друга држава договорничка, или врши самостојни лични услуги од постојано место кое се наоѓа во таа друга држава, а побарувањето на долгот по однос на кое се плаќа камата е стварно поврзано со а) таа постојана деловна единица или постојано место, или б) со деловните активности од точката в) став 1 од членот 7 од овој договор. Во тој случај соодветно се применуваат одредбите на член 7 или член 14 од овој договор.

5. Ќе се смета дека каматата настанала во државата договорничка кога исплатувачот е самата таа држава договорничка, нејзините локални власти или резидент на таа држава договорничка. Меѓутоа, кога лицето кое плаќа камата, без оглед на тоа дали е резидент на државата договорничка или не, има во таа држава договорничка постојана деловна единица или постојано место во врска со која се јавува побарувањето на кое се плаќа камата, а таквата камата се исплаќа на товар на постојаната деловна единица или постојано место, ќе се смета дека таквата камата настанува во државата договорничка во која постојаната деловна единица или постојаното место се наоѓа.

6. Кога износот на каматата поради посебните односи помеѓу исплатувачот на каматата и стварниот корисник или помеѓу нив и трето лице, имајќи го во предвид побарувањето на долгот за кој таа се плаќа, го надминува износот кој би бил договорен помеѓу исплатувачот и стварниот корисник, при непостоење на такви односи, одредбите од овој член ќе се применуваат само на последно споменатиот износ. Во тој случај, вишокот на платениот износ ќе се оданочи согласно со законите на секоја држава договорничка, при што ќе се земат во предвид и другите одредби од овој договор.

Член 12

## ПРИХОДИ ОД АВТОРСКИ ПРАВА

1. Приходите од авторски права кои настануваат во државата договорничка, а се исплатуваат на резидент на другата држава договорничка, може да се оданочуваат во таа друга држава договорничка.

2. Меѓутоа, овие приходи од авторски права можат да се оданочат и во државата договорничка во која настанале, а во согласност со законите на таа држава договорничка, но ако стварен корисник на приходите од авторски права е резидент на другата држава договорничка така обложениот данок не го надминува износот од 10 проценти од бруто износот на приходите од авторски права.

3. Изразот "приходи од авторски права" употребен во овој член, означува плаќање на било кој вид примање по основ на користење, или право на користење, на било кое авторско право за книжевно, уметничко или научно дело, вклучувајќи ги кинематографските филмови или филмови или ленти кои се користат за телевизиски или радио пренос, сите патенти, заштитни знаци, дизајни или модели, планови, тајни формули или постапка, или за користење, или право на користење на индустриска, комерцијална или научна опрема, или за информации во врска со индустриски, комерцијални или научни искуства.

4. Одредбите од ставовите 1 и 2 на овој член, нема да се применуваат ако стварниот корисник на приходите од авторски права, резидент на државата договорничка, врши дејност во другата држава договорничка во која приходите од авторски права се остварени, преку постојана деловна единица која се наоѓа во таа држава договорничка, или врши самостојни лични услуги од постојано место кое се наоѓа во таа друга држава, а правото или имотот врз основа на кои се плаќаат приходите од авторски права се стварно поврзани со а) таа постојана деловна единица или постојано место, или б) со деловните активности од точката в) став 1 од

членот 7 од овој договор . Во тој случај соодветно ќе се применуваат одредбите на член 7 или член 14 на овој договор.

5. Се смета дека приходите од авторски права се остварени во државата договорничка кога исплатувачот е самата таа држава договорничка, нејзините локални власти или резидент на таа држава договорничка. Меѓутоа, кога лицето кое ги плаќа приходите од авторски права, без оглед дали е резидент на државата договорничка или не, има во државата договорничка постојана деловна единица или постојано место во врска со која се појавува обврска за плаќање на приходи од авторски права, а тие приходи од авторски права паѓаат на товар на таа постојана деловна единица или постојано место, се смета дека тие приходи од авторски права се создадени во државата договорничка во која постојаната деловна единица или постојаното местосе наоѓа.

6. Кога, поради посебниот однос помеѓу исплатувачот и стварниот корисник, или помеѓу нив двајца и трето лице, платениот износ по основ на приходи од авторски права, земајќи го предвид користењето, правото или информацијата за кои се плаќа, го надминува износот кој би бил договорен помеѓу исплатувачот и стварниот корисник доколку таков однос не би постоел, одредбите од овој член ќе се применуваат само на последно споменатиот износ. Во тој случај вишокот на платениот износ ќе се оданочува согласно законите на секоја држава договорничка, земајќи ги предвид и другите одредби од овој договор.

## Член 13
## ДОБИВКИ ОД ОТУЃУВАЊЕ НА ИМОТ

1. Добивките остварени од резидент на државата договорничка од отуѓување на недвижен имот наведен во членот 6 од овој договор, а кој се наоѓа во другата држава договорничка, можат да се оданочат во таа друга држава договорничка.

2. Добивките од отуѓување на подвижен имот кои сочинуваат дел од имотот за работење на постојаната деловна единица која претпријатието од државата договорничка ја има во другата држава договорничка, или од подвижен имот кој му припаѓа на постојаното место кое резидентот на државата договорничка го има во другата држава договорничка заради вршење на самостојни лични услуги во таа друга држава, вклучувајќи ги и добивките од отуѓување на таа постојана деловна единица (сама или заедно со целото претпријатие), или тоа постојано место може да се оданочуваат во таа друга држава договорничка .

3. Добивките остварени од отуѓување на бродови или воздухоплови кои се користат во меѓународниот сообраќај, или од подвижен имот кој е во врска со работењето на тие бродови или воздухоплови, се оданочуваат само во државата договорничка во која претпријатието е регистрирано.

4. Добивките остварени од страна на резидент на државата договорничка од отуѓување на акции во капиталот на друштвото или учество во партнерство или труст, чиј имот во главно директно или индиректно произлегува од недвижен имот кој се наоѓа во другата држава договорничка, може да се оданочат во таа друга држава. Во врска со сопственоста на недвижен имот, за целите на овој став изразот "воглавно" означува дека вредноста на таквиот недвижен имот надминува повеќе од 50 проценти од вкупната вредност на сите средства кои ги поседува друштвото, партнерството или трустот.

5. Добивката од отуѓување на акции, освен оние наведени во ставот 4 на овој член, во друштво кое е резидент на државата договорничка може да се оданочуваат во таа држава.

6. Добивката од отуѓување на секаков имот, освен наведениот во ставовите од 1, 2, 3 и 4 на овој член, се оданочува само во државата договорничка во која лицето кое го отуѓува е резидент.

## Член 14
## САМОСТОЈНИ ЛИЧНИ УСЛУГИ

1. Доходот остварен од резидент на државата договорничка по основ на професионални услуги или други активности од независен карактер се оданочуваат само во таа држава, освен во следните случаи кога таквиот доход може исто така да се оданочи во другата држава договорничка:

а) доколку има постојано место кое му стои на располагање во другата држава договорничка за целите на вршење на неговите активности; во тој случај, само оној дел од доходот кој се припишува на тоа постојано место може да се оданочи во таа другата држава договорничка; или

б) доколку престојува во другата држава договорничка за период или периоди кои изнесуваат или вкупно надминуваат 183 дена во соодветната календарска година; во тој случај, само оној дел од доходот остварен од активностите вршени во таа друга држава може да се оданочат во таа друга држава.

2. Изразот "професионални услуги" вклучува особено самостојни научни, книжевни, уметнички, образовни или наставни активности како и

самостојни активности на доктори, адвокати, инженери, архитекти, стоматолози и сметководители.

Член 15

## ЛИЧНИ ПРИМАЊА ОД РАБОТЕН ОДНОС

1. Во зависност од одредбите на членовите 16, 18, и 19 на овој договор, платите, надоместоците и другите слични примања остварени од резидент на државата договорничка кои произлегуваат од работен однос, се оданочуваат само во таа држава, освен во случаи кога вработувањето се извршува во другата држава договорничка. Ако вработувањето е извршено во другата држава договорничка, таквите примања кои се остваруваат таму, може да се оданочуваат во таа друга држава.

2. По исклучок од одредбите на став 1 на овој член, примањата кои резидентот на едната држава договорничка ги остварува по основ на работен однос кој се врши во другата држава договорничка, се оданочуваат само во провоспоменатата држава доколку:

а) примателот престојува во другата држава во период или периоди кои вкупно не надминуваат 183 дена во било кој дванаесет месечен период кој започнува и завршува во односната календарска година, и

б) примањето е платено од страна, или во име на работодавачот кој не е резидент на другата држава, и

в) примањата не се на товар на постојаната деловна единица или постојаното место кои работодавачот го има во другата држава.

3. По исклучок на претходните одредби од овој член, примањата остварени по основ на работен однос во претпријатие на државата договорничка кое работи во меѓународен сообраќај со бродови или воздухоплови, можат да се оданочат во таа држава.

Член 16

## НАДОМЕСТОЦИ НА ДИРЕКТОРИ

Надоместоците на директори и другите слични примања кои ги остварува резидент на државата договорничка во својство на член на одбор на директори или како претставник на висока управувачка позиција во друштвото кое е резидент на другата држава договорничка, може да се оданочуваат во таа друга држава договорничка.

Член 17

## УМЕТНИЦИ И СПОРТИСТИ

1. По исклучок на одредбите од членовите 14 и 15 на овој договор, доходот остварен од резидент на државата договорничка преку лично вршење на активности како изведувач како што е театарски, филмски, радио или телевизиски уметник, или музичар, или спортист во другата држава договорничка, може да се оданочува во таа друга држава договорничка.

2. Кога доходот од лично извршени активности на изведувачот или спортистот не му припаѓа лично на изведувачот или спортистот туку на друго лице, тој доход, по исклучок на одредбите од членовите 7, 14 и 15 на овој договор, може да се оданочува во државата договорничка во која активностите на изведувачот или спортистот се извршени.

3. По исклучок на одредбите од ставовите 1 и 2 од овој член, доходот остварен од страна на резидент на државата договорничка преку лично вршење на активности како изведувач или спортист, се оданочува само во таа држава договорничка ако активностите се извршуваат во другата држава договорничка во рамките на програмите за културна или спортска размена на владите од двете држави договорнички.

Член 18

## ПЕНЗИИ

Согласно со член 19, став 2 од овој договор, пензиите и другите слични примања платени на лице кое е резидент на државата договорничка, по основ на минат работен однос, се оданочуваат само во таа држава договорничка.

Член 19

## ДРЖАВНА СЛУЖБА

1.а) Платите, надоместоците и другите слични примања кои ги исплаќа државата договорничка или локална власт на физичко лице по основ на услуги направени на таа држава договорничка или локална власт, се оданочуваат само во таа држава договорничка.

б) Меѓутоа, таквите плати, надоместоци и другите слични примања ќе се оданочуваат само во другата држава договорничка доколку услугите

се извршени во таа друга држава договорничка, а лицето е резидент на таа друга држава договорничка кое:

(1) е државјанин на таа друга држава договорничка, или

(2) не станал резидент на таа друга држава договорничка само поради вршење на услугите.

2. а) По исклучок на одредбите од ставот 1 на овој член, пензиите и други слични примања кои што ги исплаќа или се исплаќаат од страна на фондовите создадени од државата договорничка или локална власт, на физичко лице за услугите направени на таа државата договорничка или локална власт, се оданочуваат само во таа држава договорничка.

б) Меѓутоа, таквите пензии и други слични примања се оданочуваат само во другата држава договорничка ако физичкото лице е резидент или државјанин на таа друга држава договорничка.

3. Одредбите на членовите 15, 16, 17 и 18 од овој договор, исто така се применуваат на платите, надоместоците, пензиите и другите слични примања по основ на вршење услуги во врска со вршење на дејност од страна на државата договорничка или локална власт.

Член 20

**СТУДЕНТИ И ПРАКТИКАНТИ**

Плаќањата кои студент или лице на стручна обука, кој непосредно пред посетата на државата договорничка е резидент или бил резидент на другата држава договорничка и кој е присутен во првоспоменатата држава само за целите на негово образование и обука и ги прима заради неговото издржување, образование или обука нема да се оданочуваат во таа држава договорничка, под услов таквите плаќања да се од извори надвор од таа држава.

Член 21

**ДРУГИ ПРИХОДИ**

1. Деловите од доходот на резидент на државата договорничка, без оглед каде се остварени, кои не се опфатени со претходните членови од овој договор се оданочуваат само во таа држава договорничка.

2. Одредбите од ставот 1 на овој член, не се применуваат на доходот, освен на доходот од недвижен имот дефиниран во ставот 2 од членот 6 на овој договор, ако примателот на тој доход - резидент на државата договорничка врши дејност во другата држава договорничка преку постојана деловна единица или врши самостојни лични услуги од постојано место која се наоѓа во таа држава договорничка, а правото или имотот врз основа на кои се исплаќа доходот се стварно поврзани со таа постојана деловна единица или постојано место. Во тој случај, соодветно се применуваат одредбите на член 7 или 14 на овој договор.

3. По исклучок на одредбите од став 1 и 2 на овој член, деловите од доход на резидент на државата договорничка кои не се опфатени со претходните членови на овој договор и настануваат во другата држава договорничка може да се оданочат во таа друга држава договорничка.

Член 22

## МЕТОДИ ЗА ОДБЕГНУВАЊЕ НА ДВОЈНОТО ОДАНОЧУВАЊЕ

1. Кога резидент на држава договорничка остварува доход кој во согласност со одредбите од овој договор, може да се оданочи во другата држава договорничка, првоспоменатата држава ќе одобри како одбиток на данокот на доход на тој резидент, износ еднаков на данокот на доход платен во таа друга држава на тој доход.

Меѓутоа, тој одбиток во секој случај, нема да го надмине делот на данокот на доходот кој е пресметан пред да се изврши одбитокот кој се однесува на доходот кој може да се оданочи во таа друга држава договорничка, зависно од случајот.

2. Кога во согласност со било која одредба од договорот, доходот кој е остварен од страна на резидентот на државата договорничка е ослободен од оданочување во таа држава, таа држава и покрај тоа може, во пресметувањето на износот на данокот на преостанатиот доход на тој резидент, да го земе во предвид изземениот доход.

3. За целите на одобрување како кредит во државата договорничка данокот платен во другата држава договорничка ќе се смета дека го вклучува данокот кој требало да се плати во другата држава договорничка но бил намален врз основа на законски одредби и даночни поттикнувања.

Член 23

**ЕДНАКОВ ТРЕТМАН**

1. Лицата кои поседуваат државјанство на државата договорничка не подлежат на оданочување или друга обврска во врска со оданочувањето во другата држава договорничка кое е поинакво или потешко од оданочувањето и обврските во врска со оданочувањето на кое државјаните на таа друга држава под исти услови, особено по однос на резидентство, подлежат или може да подлежат.

2. Оданочувањето на постојаната деловна единица која претпријатието на државата договорничка ја има во другата држава договорничка не може да биде понеповолно во таа друга држава договорничка од оданочувањето на претпријатието на таа друга држава кое врши иста дејност. Оваа одредба не може да се толкува како задолжителна за државата договорничка за да им одобри на резидентите од другата држава договорничка било какви лични олеснувања, ослободувања или намалувања за даночни цели по основ на граѓански статус или семејни обврски кои таа ги одобрува на своите резиденти.

3. Каматата, приходите од авторски права и другите исплати платени од претпријатието на државата договорничка на резидентот на другата држава договорничка, заради одредување на оданочивата добивка на тоа претпријатие, се одбиваат под истите услови како да се исплатени на резидент на првоспоменатата држава, освен во случаите наведени во член 9, став 1, член 11, став 6 или член 12 став 6 на овој договор.

4. Претпријатието на државата договорничка, чиј капитал потполно или делумно е поседуван или контролиран, директно или индиректно, од страна на еден или повеќе резиденти на другата држава договорничка, нема да подлежи на оданочување или да подлежи на друга обврска во врска со данок во првоспоменатата држава кое е поинакво или потешко од оданочувањето и обврските во врска со оданочувањето на кое други слични претпријатија на првоспоменатата држава, подлежат или може да бидат подложени.

5. Одредбите од овој член се применуваат на даноците кои се опфатени со овој договор.

Член 24

**ПОСТАПКА ЗА ВЗАЕМНО ДОГОВАРАЊЕ**

1. Кога едно лице смета дека активностите на едната или двете држави договорнички доведуваат или ќе доведат до тоа тој да не биде оданочен согласно одредбите на овој договор, тој може, без оглед на

правните лекови предвидени со внатрешното законодавство на тие држави договорнички, да го изложи својот случај пред надлежниот орган на државата договорничка чиј резидент е, или доколку неговиот случај потпаѓа под член 23 став 1 од овој договор, на онаа држава договорничка на која тој е државјанин. Случајот мора да биде изложен во рок од три години од денот на првото известување за активноста која доведува до одаочување кое не е во согласност со одредбите на овој договор.

2. Надлежниот орган на државата договорничка, ќе настојува доколку смета дека жалбата е оправдана и ако не е во можност сам да дојде до задоволително решение, да го реши случајот со заедничко договарање со надлежниот орган на другата држава договорничка, заради одбегнување на одаочувањето кое не е во согласност со овој договор. Секој договор што ќе се постигне ќе се спроведува без оглед на временските ограничувања во внатрешните закони на државите договорнички.

3. Надлежните органи од државите договорнички ќе настојуваат да ги решат по пат на заеднички договор сите потешкотии или нејаснотии кои произлегуваат во однос на толкувањето или примената на овој договор. Исто така, може да се консултираат за одбегнување на двојното одаочување кај случаите кои не се предвидени со овој договор.

4. Надлежните органи на државите договорнички можат непосредно да комуницираат заради постигнување на договор во смисла на претходните ставови на овој член.

Член 25

**РАЗМЕНА НА ИНФОРМАЦИИ**

1. Надлежните органи на државите договорнички ќе разменуваат информации кои се очигледно релевантни за спроведување на одредбите од овој договор или за администрирање или за спроведување на домашните закони кои се однесуваат на даноците од секаков вид и опис кои се воведени од државите договорнички, доколку одаочувањето предвидено со тие закони не е во спротивност со договорот. Размената на информации не е ограничена со член 1 од овој договор.

2. Секоја информација добиена од државата договорничка согласно став 1 на овој член, ќе се смета како тајна на ист начин како и информацијата добиена според внатрешните закони на таа држава, и може да биде откриена само на лица или органи (вклучувајќи ги судовите и органите на управата), кои се надлежни за утврдување и наплата на даноците, присилната наплата или за прогон, во врска со решавање по жалба по однос на даноците опафатени во став 1 на овој член, или имаат

увид во горенаведените постапки. Овие лица или органи ќе ги користат таквите информации само за тие цели. Тие можат да ги откријат информациите во јавна судска постапка или во судски одлуки.

3. Одредбите од ставот 1 и ставот 2 на овој член не можат во никој случај да се толкуваат како воспоставување на обврска на државата договорничка:

а) да спроведува административни мерки кои што се различни од законите и административната практика на таа или на другата држава договорничка,

б) да обезбедува информации кои не можат да се добијат согласно со законите или од редовното работење на администарцијата на таа или на другата држава договорничка,

в) да обезбедува информации кои би откриле некоја трговска, деловна, индустриска, комерцијална или професионална тајна, или трговска постапка, или информација чие откривање би било во спротивност со јавната политика (јавниот поредок).

4. Доколку се бара информација од државата договорничка во согласност со овој член, другата држава договорничка ќе презема мерки за добивање на таа информација со цел истата да ја обезбеди, дури и доколку таа друга држава нема потреба од таквата информација за нејзините сопствени даночни цели. Обврската содржана во претходната реченица е предмет на ограничувањата од ставот 3 на овој член, но во никој случај таквите ограничувања нема да се толкуваат како одобрение за државата договорничка да одбие да ја обезбеди информацијата исклучиво поради тоа што нема домашен интерес за таквата информација.

5. Во никој случај одредбите од став 3 на овој член нема да се толкуваат да овозможат државата договорничка да го одбие обезбедувањето на информацијата само затоа што истата е поседувана од страна на банка, друга финансиска институција, фондација, кандидат или лице што дејствува во некоја агенција или со фидуцијарно својство или бидејќи се однесува на сопственички интереси во лице.

Член 26

## ЧЛЕНОВИ НА ДИПЛОМАТСКИТЕ МИСИИ И КОНЗУЛАРНИ ПРЕТСТАВНИШТВА

Одредбите од овој договор нема да влијаат на фискалните привилегии на членовите на дипломатските мисии и конзуларните претставништва

предвидени со општите правила на меѓународното право или со одредбите од посебните договори.

Член 27

**ВЛЕГУВАЊЕ ВО СИЛА**

1. Државите договорнички ќе се известат на писмено, по дипломатски пат, за завршувањето на внатрешната постапка која е потребна за влегување во сила на овој договор. Овој договор ќе влезе во сила на датумот на приемот на последното писмено известување.

2. Овој договор ќе се применува:

а) во Македонија:

1) по однос на даноците што се задржуваат на изворот, во врска со износите кои се оданочуваат кои се остварени на или после првиот ден на јануари од календарската година што следи по годината во која договорот влегува во сила и последователните календарски години; и

2) по однос на другите даноци во Македонија, во врска со доход, профит или добивка кои настануваат на или после првиот ден од јануари во календарската година што следи по годината во која договорот влегува во сила и последователните календарски години; и

б) во Виетнам:

1) по однос на даноците што се задржуваат на изворот, во врска со износите кои се оданочуваат остварени на или после првиот ден на јануари од календарската година што следи по годината во која договорот влегува во сила и последователните календарски години; и

2) по однос на другите даноци во Виетнам, во врска со доход, профит или добивка кои настануваат на или после првиот ден од јануари во календарската година што следи по годината во која договорот влегува во сила и последователните календарски години.

Член 28

**ПРЕСТАНОК НА ВАЖЕЊЕ**

Овој договор останува во сила се додека не се откаже неговата важност од страна на една од државите договорнички. Секоја од државите договорнички може да ја откаже примената на овој договор преку

дипломатски пат, со доставување на писмено известување за престанокот на важењето најмалку шест месеци пред крајот на било која календарска година што следи по истекот на периодот од пет години од датумот на кој договорот влегува во сила.

2. Договорот ќе престане да важи:

а) во Македонија:

1) по однос на даноците што се задржуваат на изворот, во врска со износите кои се оданочуваат и кои се остварени на или после првиот ден на јануари од календарската година што следи по годината во која известувањето за престанок е примено и последователните календарски години; и

2) по однос на другите даноци во Македонија, во врска со доход, профит или добивка кои настануваат на или после првиот ден од јануари во календарската година што следи по годината во која известувањето за престанок е дадено; и

б) во Виетнам:

1) по однос на даноците што се задржуваат на изворот, во врска со износите кои се оданочуваат остварени на или после првиот ден на јануари од календарската година што следи по годината во која известувањето за престанок е примено и последователните календарски години; и

2) по однос на другите даноци во Виетнам, во врска со доход, профит или добивка кои настануваат на или после првиот ден од јануари во календарската година што следи по годината во која известувањето за престанок е дадено.

КАКО ПОТВРДА ЗА ОВА потписниците, полноважно за тоа овластени од страна на Владите, го потпишаа овој договор.

СОСТАВЕН во два оригинални примероци во СКОПЈЕ на 15 октомври 2014 година на виетнамски, македонски и англиски јазик, сите примероци подеднакво веродостојни. Во случај на несогласување во однос на толкувањето на договорот, државите договорнички се повикуваат на англискиот текст.

ЗА ВЛАДАТА НА СОЦИЈАЛИСТИЧКА РЕПУБЛИКА ВИЕТНАМ

Ле Дук Лу
Амбасадор на Социјалистичка Република Виетнам во Република Македонија

ЗА ВЛАДАТА НА РЕПУБЛИКА МАКЕДОНИЈА

Ардиан Целадини
Заменик министер за финансии на Република Македонија –

# AGREEMENT

# BETWEEN

# THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

# AND

# THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF MACEDONIA

# FOR

# THE AVOIDANCE OF DOUBLE TAXATION

# AND

# THE PREVENTION OF FISCAL EVASION

# WITH RESPECT TO TAXES ON INCOME

**THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**AND**

**THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF MACEDONIA**

DESIRING to conclude an Agreement for the avoidance of double taxation and the prevention of fiscal evasion with respect to taxes on income,

Have agreed as follows:

## Article 1
## PERSONS COVERED

This Agreement shall apply to persons who are residents of one or both of the Contracting States.

## Article 2
## TAXES COVERED

1. This Agreement shall apply to taxes on income and imposed on behalf of a Contracting State or of its local authorities, irrespective of the manner in which they are levied.

2. There shall be regarded as taxes on income all taxes imposed on total income, or on elements of income, including taxes on gains from the alienation of movable or immovable property, taxes on the total amounts of wages or salaries paid by enterprises, as well as taxes on capital appreciation.

3. The existing taxes to which the Agreement shall apply are in particular:

   a) in Vietnam:

      1) the personal income tax; and

      2) the business income tax;

   (hereinafter referred to as "Vietnamese Tax"); and

   b) in Macedonia:

      1) the personal income tax; and

2) the profit tax;

(hereinafter referred to as "Macedonian Tax").

4. The Agreement shall apply also to any identical or substantially similar taxes that are imposed after the date of signature of this Agreement in addition to, or in place of, the existing taxes. The competent authorities of the Contracting States shall notify each other of significant changes that have been made in their taxation laws.

## Article 3
## GENERAL DEFINITIONS

1. For the purposes of this Agreement, unless the context otherwise requires:

a) the terms "a Contracting State" and "the other Contracting State" mean Vietnam or Macedonia, as the context requires;

b) the term "Vietnam" means the Socialist Republic of Vietnam; when used in a geographical sense, it means its land territory, islands, internal waters, territorial sea and airspace above them, the maritime areas beyond territorial sea including seabed and subsoil thereof over which the Socialist Republic of Vietnam exercises sovereignty, sovereign rights and jurisdiction in accordance with national legislation and international law;

c) the term "Macedonia" means the Republic of Macedonia, and when used in a geographical sense means its territory over which it has jurisdiction or sovereign rights for the purpose of exploring, exploiting, conserving and managing natural resources pursuant to its national laws and in accordance with international law;

d) the term "national" means:

i) any individual possessing the nationality of a Contracting State;

ii) any legal person, partnership or association deriving its status as such from the laws in force in a Contracting State.

e) the term "person" includes an individual, a company and any other body of persons;

f) the term "company" means any body corporate or any entity that is treated as a body corporate for tax purposes;

g) the terms "enterprise of a Contracting State" and "enterprise of the other Contracting State" mean respectively an enterprise carried on by a resident of a Contracting State and an enterprise carried on by a resident of the other Contracting State;

h) the term "international traffic" means any transport by a ship or aircraft operated by an enterprise which has its place of registration in a Contracting State, except when the ship or aircraft is operated solely between places in the other Contracting State;

i) the term "competent authority" means:

i) in the case of Vietnam, the Minister of Finance or his authorised representative;

ii) in the case of Macedonia, the Ministry of Finance or its authorised representative.

2. As regards the application of the Agreement at any time by a Contracting State, any term not defined therein shall, unless the context otherwise requires, have the meaning that it has at that time under the law of that State for the purposes of the taxes to which the Agreement applies, any meaning under the applicable tax laws of that State prevailing over a meaning given to the term under other laws of that State.

## Article 4
## RESIDENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "resident of a Contracting State" means any person who, under the laws of that State, is liable to tax therein by reason of his domicile, residence, place of registration, place of management or any other criterion of a similar nature. This term, however, does not include any person who is liable to tax in that State in respect only of income from sources in that State.

2. Where by reason of the provisions of paragraph 1 an individual is a resident of both Contracting States, then his status shall be determined as follows:

a) he shall be deemed to be a resident only of the State in which he has a permanent home available to him; if he has a permanent home available to him in both States, he shall be deemed to be a resident only of the State with which his personal and economic relations are closer (centre of vital interests);

b) if the State in which he has his centre of vital interests cannot be determined, or if he has not a permanent home available to him in either State, he shall be deemed to be a resident only of the State in which he has an habitual abode;

c) if he has an habitual abode in both States or in neither of them, he shall be deemed to be a resident only of the State of which he is a national;

d) if he is a national of both States or of neither of them, the competent authorities of the Contracting States shall settle the question by mutual agreement.

3. Where by reason of the provisions of paragraph 1 a person other than an individual is a resident of both Contracting States, then it shall be deemed to be a resident only of the State in which it is registered.

## Article 5
## PERMANENT ESTABLISHMENT

1. For the purposes of this Agreement, the term "permanent establishment" means a fixed place of business through which the business of an enterprise is wholly or partly carried on.

2. The term "permanent establishment" includes especially:

a) a place of management;

b) a branch;

c) an office;

d) a factory;

e) a warehouse;

f) a workshop, and

g) a mine, an oil or gas well, a quarry or any other place of extraction of natural resources.

3. The term "permanent establishment" likewise encompasses:

a) a building site, a construction, assembly or installation project or supervisory activities in connection therewith, but only where such site, project or activities continue for a period of more than six months;

b) the furnishing of services, including consultancy services, by an enterprise through employees or other personnel engaged by the enterprise for such purpose, but only where activities of that nature continue (for the same or a connected project) within the country for a period or periods aggregating more than six months within any 12 - month period.

c) a person conducting in a Contracting State activities which relate to the exploration for and exploitation of natural resources located in that Contracting State shall be considered as carrying on business through a permanent establishment in that Contracting State.

4. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, the term "permanent establishment" shall be deemed not to include:

a) the use of facilities solely for the purpose of storage or display of goods or merchandise belonging to the enterprise;

b) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of storage or display;

c) the maintenance of a stock of goods or merchandise belonging to the enterprise solely for the purpose of processing by another enterprise;

d) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of collecting information, for the enterprise;

e) the maintenance of a fixed place of business solely for the purpose of carrying on for the enterprise, any other activity of a preparatory or auxiliary character;

f) the maintenance of a fixed place of business solely for any combination of activities mentioned in subparagraphs a) to e) provided that the overall activity of the fixed place of business resulting from this

combination is of a preparatory or auxiliary character.

5. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, where a person-other than an agent of an independent status to whom paragraph 6 applies - is acting in a Contracting State on behalf of an enterprise of the other Contracting State, that enterprise shall be deemed to have a permanent establishment in the first-mentioned Contracting State in respect of any activities which that person undertakes for the enterprise, if such a person:

   (a) has and habitually exercises in that State an authority to conclude contracts in the name of the enterprise, unless the activities of such person are limited to those mentioned in paragraph 4 which, if exercised through a fixed place of business, would not make this fixed place of business a permanent establishment under the provisions of that paragraph; or

   (b) has no such authority, but habitually maintains in the first-mentioned State a stock of goods or merchandise from which he regularly delivers goods or merchandise on behalf of the enterprise.

6. An enterprise shall not be deemed to have a permanent establishment in a Contracting State merely because it carries on business in that State through a broker, general commission agent or any other agent of an independent status, provided that such persons are acting in the ordinary course of their business. However, when the activities of such an agent are devoted wholly or almost wholly on behalf of that enterprise, and conditions are made or imposed between that enterprise and that agent in their commercial and financial relations which differ from those which would have been made between independent enterprises, he will not be considered an agent of an independent status within the meaning of this paragraph.

7. The fact that a company which is a resident of a Contracting State controls or is controlled by a company which is a resident of the other Contracting State, or which carries on business in that other Contracting State (whether through a permanent establishment or otherwise), shall not of itself constitute either company a permanent establishment of the other.

## Article 6
## INCOME FROM IMMOVABLE PROPERTY

1. Income derived by a resident of a Contracting State from immovable property (including income from agriculture or forestry) situated in the other

Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. The term "immovable property" shall have the meaning which it has under the law of the Contracting State in which the property in question is situated. The term shall in any case include property accessory to immovable property, livestock and equipment used in agriculture and forestry, rights to which the provisions of general law respecting landed property apply, usufruct of immovable property and rights to variable or fixed payments as consideration for the working of, or the right to work, mineral deposits, sources and other natural resources; ships and aircraft shall not be regarded as immovable property.

3. The provisions of paragraph 1 shall apply to income derived from the direct use, letting or use in any other form of immovable property.

4. The provisions of paragraphs 1 and 3 shall also apply to the income from immovable property of an enterprise and to income from immovable property used for the performance of independent personal services.

## Article 7
## BUSINESS PROFITS

1. The profits of an enterprise of a Contracting State shall be taxable only in that Contracting State unless the enterprise carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein. If the enterprise carries on business as aforesaid, the profits of the enterprise may be taxed in the other State but only so much of them as is attributable to (a) that permanent establishment; (b) sales in that other Contracting State of goods or merchandise of the same or similar kind as those sold through that permanent establishment; or (c) other business activities carried on in that other Contracting State of the same or similar kind as those effected through that permanent establishment.

2. Subject to the provisions of paragraph 3 where an enterprise of a Contracting State carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, there shall in each Contracting State be attributed to that permanent establishment the profits which it might be expected to make if it were a distinct and separate enterprise engaged in the same or similar activities under the same or similar conditions and dealing wholly independently with the enterprise of which it is a permanent establishment.

3. In determining the profits of a permanent establishment, there shall be allowed as deductions expenses which are incurred for the purposes of the permanent establishment, including executive and general administrative expenses so incurred, whether in the State in which the permanent establishment is situated or elsewhere. However, no such deduction shall be allowed in respect of amounts, if any, paid (otherwise than towards reimbursement of actual expenses) by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission, for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise, by way of interest on moneys lent to the permanent establishment. Likewise, no account shall be taken, in the determination of the profits of a permanent establishment, for amounts charged (otherwise than towards reimbursement of actual expenses), by the permanent establishment to the head office of the enterprise or any of its other offices, by way of royalties, fees or other similar payments in return for the use of patents or other rights, or by way of commission for specific services performed or for management, or, except in the case of a banking enterprise by way of interest on moneys lent to the head office of the enterprise or any of its other offices.

4. Insofar as it has been customary in a Contracting State to determine the profits to be attributed to a permanent establishment on the basis of an apportionment of the total profits of the enterprise to its various parts, nothing in paragraph 2 shall preclude that Contracting State from determining the profits to be taxed by such an apportionment as may be customary, the method of apportionment adopted shall, however, be such that the results shall be in accordance with the principles contained in this Article.

5. For the purposes of the preceding paragraphs, the profits to be attributed to the permanent establishment shall be determined by the same method year by year unless there is good and sufficient reason to the contrary.

6. Where profits include items of income which are dealt with separately in other Articles of this Agreement, then the provisions of those Articles shall not be affected by the provisions of this Article.

## Article 8
## SHIPPING AND AIR TRANSPORT

1. Profits derived from the operation of ships or aircraft in international traffic shall be taxable only in the Contracting State in which the enterprise is registered.

2. The provisions of paragraph 1 shall also apply to profits from the participation in a pool, a joint business or an international operating agency.

## Article 9
## ASSOCIATED ENTERPRISES

1. Where
   a) an enterprise of a Contracting State participates directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of the other Contracting State, or

   b) the same persons participate directly or indirectly in the management, control or capital of an enterprise of a Contracting State and an enterprise of the other Contracting State,

   and in either case conditions are made or imposed between the two enterprises in their commercial or financial relations which differ from those which would be made between independent enterprises, then any profits which would, but for those conditions, have accrued to one of the enterprises, but, by reason of those conditions, have not so accrued, may be included in the profits of that enterprise and taxed accordingly.

2. Where a Contracting State includes in the profits of an enterprise of that State - and taxes accordingly - profits on which an enterprise of the other Contracting State has been charged to tax in that other State and the profits so included are profits which would have accrued to the enterprise of the first-mentioned State if the conditions made between the two enterprises had been those which would have been made between independent enterprises, then that other State shall make an appropriate adjustment to the amount of the tax charged therein on those profits. In determining such adjustment, due regard shall be had to the other provisions of this Agreement and the competent authorities of the Contracting States shall if necessary consult each other.

## Article 10
## DIVIDENDS

1. Dividends paid by a company which is a resident of a Contracting State to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such dividends may also be taxed in the Contracting State of which the company paying the dividends is a resident and according to the laws of that State, but if the beneficial owner of the dividends is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed:

   a) 5 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which holds directly at least 70 per cent of the share capital of the company paying the dividends;

   b) 10 per cent of the gross amount of the dividends if the beneficial owner is a company which holds directly at least 25 per cent but less than 70 per cent of the share capital of the company paying the dividends;

   c) 15 per cent of the gross amount of the dividends in all other cases.

   This paragraph shall not affect the taxation of the company in respect of the profits out of which the dividends are paid.

3. The term "dividends" as used in this Article means income from shares, "jouissance" shares or "jouissance" rights, mining shares, founders' shares or other rights, not being debt-claims, participating in profits, as well as income from other corporate rights which is subjected to the same taxation treatment as income from shares by the laws of the State of which the company making the distribution is a resident.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the dividends, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State of which the company paying the dividends is a resident through a permanent establishment situated therein or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of article 7 or article 14, as the case may be, shall apply.

5. Where a company which is a resident of a Contracting State derives profits or income from the other Contracting State, that other Contracting State may not impose any tax on the dividends paid by the company, except insofar as such dividends are paid to a resident of that other Contracting State or insofar as the holding in respect of which the dividends are paid is effectively connected with a permanent establishment or a fixed base situated in that other State, nor subject the company's undistributed profits to a tax on the company's undistributed profits, even if the dividends paid or

the undistributed profits consist wholly or partly of profits or income arising in such other Contracting State.

## Article 11
## INTEREST

1. Interest arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxable in that other Contracting State.

2. However, such interest may also be taxed in the Contracting State in which it arises and according to the laws of that State, but if the beneficial owner of the interest is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the interest.

3. The term "interest" as used in this Article means income from debt-claims of every kind, whether or not secured by mortgage and whether or not carrying a right to participate in the debtor's profits, and in particular, income from government securities and income from bonds or debentures including premiums and prizes attaching to such securities, bonds or debentures. Penalty charges for late payment shall not be regarded as interest for the purpose of this Article.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the interest, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the interest arises, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the debt-claim in respect of which the interest is paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Interest shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer that State itself, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the interest, whether he is a resident of a Contracting State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the indebtedness on which the interest is paid was incurred, and such interest is borne by such permanent establishment or a fixed base, then such interest shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or a fixed base is situated.

6. Where, by reason of a special relationship between the payer and the

beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the interest, having regard to the debt-claim for which it is paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

## Article 12
## ROYALTIES

1. Royalties arising in a Contracting State and paid to a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. However, such royalties may also be taxed in the Contracting State in which they arise and according to the laws of that State, but if the beneficial owner of the royalties is a resident of the other Contracting State, the tax so charged shall not exceed 10 per cent of the gross amount of the royalties.

3. The term "royalties" as used in this Article means payments of any kind received as a consideration for the use of, or the right to use, any copyright of literary, artistic or scientific work including cinematograph films or films or tapes used for radio or television broadcasting, any patent, trade mark, design or model, plan, secret formula or process, or for the use of, or the right to use, industrial, commercial or scientific equipment, or for information concerning industrial, commercial or scientific experience.

4. The provisions of paragraphs 1 and 2 shall not apply if the beneficial owner of the royalties, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State in which the royalties arise, through a permanent establishment situated therein, or performs in that other Contracting State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the royalties are paid is effectively connected with (a) such permanent establishment or fixed base, or with (b) business activities referred to under (c) of paragraph 1 of Article 7. In such cases the provisions of Article 7 or Article 14, as the case may be, shall apply.

5. Royalties shall be deemed to arise in a Contracting State when the payer is that State itself, a local authority or a resident of that State. Where, however, the person paying the royalties, whether he is a resident of a Contracting

State or not, has in a Contracting State a permanent establishment or a fixed base in connection with which the liability to pay the royalties was incurred, and such royalties are borne by such permanent establishment or a fixed base, then such royalties shall be deemed to arise in the State in which the permanent establishment or a fixed base is situated.

6. Where by reason of a special relationship between the payer and the beneficial owner or between both of them and some other person, the amount of the royalties, having regard to the use, right or information for which they are paid, exceeds the amount which would have been agreed upon by the payer and the beneficial owner in the absence of such relationship, the provisions of this Article shall apply only to the last-mentioned amount. In such case, the excess part of the payments shall remain taxable according to the laws of each Contracting State, due regard being had to the other provisions of this Agreement.

## Article 13
## GAINS FROM ALIENATION OF PROPERTY

1. Gains derived by a resident of a Contracting State from the alienation of immovable property referred to in Article 6 and situated in the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

2. Gains from the alienation of movable property forming part of the business property of a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State, or of movable property pertaining to a fixed base available to a resident of a Contracting State in the other Contracting State for the purpose of performing independent personal services, including such gains from the alienation of such a permanent establishment (alone or with the whole enterprise) or of such fixed base, may be taxed in that other State.

3. Gains from the alienation of ships or aircraft operated in international traffic, or movable property pertaining to the operation of such ships or aircraft, shall be taxable only in the Contracting State in which the enterprise is registered.

4. Gains from the alienation of shares of the capital stock of a company, or of an interest in a partnership, trust or estate, the property of which consist directly or indirectly principally of immovable property situated in the other Contracting State, may be taxed in that other Contracting State. For the purpose of this paragraph, "principally" in relation to ownership of

immovable property means the value of such immovable property exceeding 50 per cent of the aggregate value of all assets owned by the company, partnership, trust or estate.

5. Gains from the alienation of shares other than those mentioned in paragraph 4 in a company which is a resident of a Contracting State may be taxed in that State.

6. Gains from the alienation of any property, other than that referred to in paragraphs 1, 2, 3, 4 and 5 shall be taxable only in the Contracting State of which the alienator is a resident.

## Article 14
## INDEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Income derived by an individual who a resident of a Contracting State in respect of professional services or other activities of an independent character shall be taxable only in that State except in the following circumstances, when such income may also be taxed in the other Contracting State:

   (a) if he has a fixed base regularly available to him in the other Contracting State for the purpose of performing his activities; in that case, only so much of the income as is attributable to that fixed base may be taxed in that other Contracting State; or

   (b) if his stay in the other Contracting State is for a period or periods amounting to or exceeding in the aggregate 183 days in the fiscal year concerned; in that case, only so much of the income as is derived from his activities performed in that other State may be taxed in that other State.

2. The term "professional services" includes especially independent scientific, literary, artistic, educational or teaching activities as well as the independent activities of physicians, lawyers, engineers, architects, dentists and accountants.

## Article 15
## DEPENDENT PERSONAL SERVICES

1. Subject to the provisions of Articles 16, 18 and 19, salaries, wages and other similar remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect

of an employment, shall be taxable only in that State unless the employment is exercised in the other Contracting State. If the employment is so exercised, such remuneration as is derived therefrom may be taxed in that other Contracting State.

2. Notwithstanding the provisions of paragraph 1, remuneration derived by a resident of a Contracting State in respect of an employment exercised in the other Contracting State shall be taxable only in the first-mentioned State if:

   a) the recipient is present in the other Contracting State for a period or periods not exceeding in the aggregate 183 days in any twelve month period commencing or ending in the calendar year concerned, and

   b) the remuneration is paid by, or on behalf of, an employer who is not a resident of the other State, and

   c) the remuneration is not borne by a permanent establishment or a fixed base which the employer has in the other State.

3. Notwithstanding the preceding provisions of this Article, remuneration derived in respect of an employment exercised aboard a ship or aircraft operated in international traffic, may be taxed in the Contracting State in which the enterprise is registered.

## Article 16
## DIRECTORS' FEES

Directors' fees and other similar payments derived by a resident of a Contracting State in his capacity as a member of the Board of directors or as an official in a top level managerial position of a company which is a resident of the other Contracting State may be taxed in that other Contracting State.

## Article 17
## ARTISTES AND SPORTSMEN

1. Notwithstanding the provisions of Articles 14 and 15, income derived by a resident of a Contracting State as an entertainer, such as theatre, motion picture, radio or television artiste, or a musician, or as a sportsman, from his personal activities as such exercised in the other Contracting State, may be taxed in that other Contracting State.

2. Where income in respect of personal activities exercised by an entertainer or a sportsman in his capacity as such accrues not to the entertainer or sportsman himself but to another person, that income may, notwithstanding the provisions of Articles 7, 14 and 15 be taxed in the Contracting State in which the activities of the entertainer or sportsman are exercised.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, income derived by a resident of a Contracting State from his personal activities as an entertainer or as a sportsman shall be taxable only in that State if the activities are exercised in the other Contracting State under a plan of cultural or sports exchange programme between the governments of both Contracting States.

## Article 18
## PENSIONS

Subject to the provisions of paragraph 2 of Article 19, pensions and other similar remuneration paid to a resident of a Contracting State in consideration of past employment shall be taxable only in that Contracting State.

## Article 19
## GOVERNMENT SERVICE

1. a) Salaries, wages and other similar remuneration, other than a pension, paid by a Contracting State or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or authority shall be taxable only in that Contracting State.

   b) However, such salaries, wages and other similar remuneration shall be taxable only in the other Contracting State if the services are rendered in that Contracting State and the individual is a resident of that Contracting State who:

      i) is a national of that Contracting State; or

      ii) did not become a resident of that Contracting State solely for the purpose of rendering the services.

2. a) Pensions and other similar remuneration paid by, or out of funds created by, a Contracting State or a local authority thereof to an individual in respect of services rendered to that State or authority shall be taxable only in that State.

b) However, such pensions shall be taxable only in the other Contracting State if the individual is a resident of, and a national of, that other Contracting State.

3. The provisions of Articles 15, 16, 17 and 18 shall apply to salaries, wages, pensions and other similar remuneration in respect of services rendered in connection with a business carried on by a Contracting State or a local authority thereof.

## Article 20
## STUDENTS AND APPRENTICES

Payments which a student or business apprentice who is or was immediately before visiting a Contracting State a resident of the other Contracting State and who is present in the first-mentioned State solely for the purpose of his education or training receives for the purpose of his maintenance, education or training shall not be taxed in that State, provided that such payments arise from sources outside that State.

## Article 21
## OTHER INCOME

1. Items of income of a resident of a Contracting State, wherever arising, not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement shall be taxable only in that State.

2. The provisions of paragraph 1 shall not apply to the income, other than income from immovable property as defined in paragraph 2 of Article 6, if the recipient of such income, being a resident of a Contracting State, carries on business in the other Contracting State through a permanent establishment situated therein, or performs in that other State independent personal services from a fixed base situated therein, and the right or property in respect of which the income is paid is effectively connected with such permanent establishment or fixed base. In such case the provisions of Articles 7 or 14 shall apply.

3. Notwithstanding the provisions of paragraphs 1 and 2, items of income of a resident of a Contracting State not dealt with in the foregoing Articles of this Agreement and arising in the other Contracting State may also be taxed in that other Contracting State.

## Article 22
## METHODS FOR ELIMINATION OF DOUBLE TAXATION

1. Where a resident of a Contracting State derives income which, in accordance with the provisions of this Agreement may be taxed in the other Contracting State, the first-mentioned State shall allow as a deduction from the tax on the income of that resident, an amount equal to the income tax paid in that other State;

   Such a deduction in either case shall not, however, exceed that part of the income tax, as computed before the deduction is given, which is attributable, as the case may be, to the income which may be taxed in that other State.

2. Where in accordance with any provisions of the Agreement income derived by a resident of a Contracting State is exempt from tax in that State, such State may nevertheless, in calculating the amount of tax on the remaining income of such resident, take into account the exempted income.

3. For the purpose of allowance as a credit in a Contracting State the tax paid in the other Contracting State shall be deemed to include the tax which is otherwise payable in that other State but has been reduced or waived by that State under its legal provisions for tax incentives.

## Article 23
## NON-DISCRIMINATION

1. Nationals of a Contracting State shall not be subjected in the other Contracting State to any taxation or any requirement connected therewith, which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which nationals of that other State in the same circumstances, in particular with respect to residence, are or may be subjected.

2. The taxation on a permanent establishment which an enterprise of a Contracting State has in the other Contracting State shall not be less favourably levied in that other Contracting State than the taxation levied on enterprises of that other Contracting State carrying on the same activities. This provision shall not be construed as obliging a Contracting State to grant to residents of the other Contracting State any personal allowances, reliefs and reductions for taxation purposes on account of civil status or family responsibilities which it grants to its own residents.

3. Except where the provisions of paragraph 1 of Article 9, paragraph 6 of

Article 11, or paragraph 6 of Article 12 apply, interest, royalties and other disbursements paid by an enterprise of a Contracting State to a resident of the other Contracting State shall, for the purpose of determining the taxable profits of such enterprise, be deductible under the same conditions as if they had been paid to a resident of the first-mentioned State.

4. Enterprises of a Contracting State, the capital of which is wholly or partly owned or controlled, directly or indirectly, by one or more residents of the other Contracting State, shall not be subjected in the first-mentioned State to any taxation or any requirement connected therewith which is other or more burdensome than the taxation and connected requirements to which other similar enterprises of the first- mentioned State are or may be subjected.

5. The provisions of this Article shall apply to taxes covered by this Agreement.

## Article 24
## MUTUAL AGREEMENT PROCEDURE

1. Where a person who is a resident of a Contracting State considers that the actions of one or both of the Contracting States result or will result for him in taxation not in accordance with the provisions of this Agreement, he may, irrespective of the remedies provided by the domestic law of those States, present his case to the competent authority of the Contracting State of which that person is a resident, or if his case comes under paragraph 1 of Article 23, to the competent authorities of either Contracting State. The case must be presented within three years from the first notification of the action resulting in taxation not in accordance with the provisions of the Agreement.

2. The competent authority shall endeavour, if the objection appears to it to be justified and if it is not itself able to arrive at a satisfactory solution, to resolve the case by mutual agreement with the competent authority of the other Contracting State, with a view to the avoidance of taxation which is not in accordance with this Agreement. Any agreement reached shall be implemented notwithstanding any time limits in the domestic law of the Contracting States.
3. The competent authorities of the Contracting States shall endeavour to resolve by mutual agreement any difficulties or doubts arising as to the interpretation or application of the Agreement. They may also consult together for elimination of double taxation in the cases not provided for in the Agreement.

4. The competent authorities of the Contracting States may communicate with

each other directly for the purpose of reaching an agreement in the sense of the preceding paragraphs.

## Article 25
## EXCHANGE OF INFORMATION

1. The competent authorities of the Contracting States shall exchange such information as is foreseeably relevant for carrying out the provisions of this Agreement or to the administration or enforcement of the domestic laws concerning taxes of every kind and description imposed by or on behalf of the Contracting States, insofar as the taxation thereunder is not contrary to the Agreement. The exchange of information is not restricted by Article 1.

2. Any information received under paragraph 1 by a Contracting State shall be treated as secret in the same manner as information obtained under the domestic laws of that State and shall be disclosed only to persons or authorities (including courts and administrative bodies) concerned with the assessment or collection of, the enforcement or prosecution in respect of, the determination of appeals in relation to the taxes referred to in paragraph 1, or the oversight of the above. Such persons or authorities shall use the information only for such purposes. They may disclose the information in public court proceedings or in judicial decisions.

3. In no case shall the provisions of paragraphs 1 and 2 be construed so as to impose on a Contracting State the obligation:

   a) to carry out administrative measures at variance with the laws and administrative practice of that or of the other Contracting State;

   b) to supply information which is not obtainable under the laws or in the normal course of the administration of that or of the other Contracting State;

   c) to supply information which would disclose any trade, business, industrial, commercial or professional secret or trade process, or information, the disclosure of which would be contrary to public policy (ordre public).

4. If information is requested by a Contracting State in accordance with this Article, the other Contracting State shall use its information gathering measures to obtain the requested information, even though that other State may not need such information for its own tax purposes. The obligation contained in the preceding sentence is subject to the limitations of paragraph

3 but in no case shall such limitations be construed to permit a Contracting State to decline to supply information solely because it has no domestic interest in such information.

5. In no case shall the provisions of paragraph 3 be construed to permit a Contracting State to decline to supply information solely because the information is held by a bank, other financial institution, nominee or person acting in an agency or a fiduciary capacity or because it relates to ownership interests in a person.

## Article 26
## MEMBERS OF DIPLOMATIC MISSIONS AND CONSULAR POSTS

Nothing in this Agreement shall affect the fiscal privileges of member of diplomatic missions or consular posts under the general rules of international law or under the provisions of special agreements.

## Article 27
## ENTRY INTO FORCE

1. The Contracting States shall notify each other in writing, through diplomatic channels, that the procedures required by its law for the entry into force of this Agreement have been completed. The Agreement shall enter into force on the date of receipt of the last notification.

2. This Agreement shall have effect:

   a) In Vietnam:

      i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts as derived on after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar year; and

      ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar year; and

   b) In Macedonia:

      i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable

amounts as derived on after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar year; and

ii) in respect of other Macedonian taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar year in which the Agreement enters into force, and in subsequent calendar year.

**Article 28**
**TERMINATION**

1. This Agreement shall remain in force until terminated by one of the Contracting States. Either Contracting State may terminate the Agreement, through diplomatic channels, by giving written notice of termination at least six months before the end of any calendar year following after a period of five years from the date on which this Agreement enters into force.

2. This Agreement shall cease to have effect:

a) In Vietnam:

i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts as derived on after the first day of January following the calendar year in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar year; and

ii) in respect of other Vietnamese taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar year in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar year; and

b) In Macedonia:

i) in respect of taxes withheld at source, in relation to taxable amounts as derived on after the first day of January following the calendar year in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar year; and

ii) in respect of other Macedonian taxes, in relation to income, profits or gains arising on or after the first day of January following the calendar in which the notice of termination has been received, and in subsequent calendar year.

IN WITNESS whereof the undersigned, being duly authorized thereto by their respective Governments, have signed this Agreement.

DONE in duplicate at Skopje, this 15th day of October 2014, in the Vietnamese, Macedonian and English languages, all texts being equally authentic. In case of divergence of interpretation, the English text shall prevail.

**FOR THE GOVERNMENT OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

LE DUC LUU
Ambassador of the S.R. of Viet Nam
to the Republic of Macedonia

**FOR THE GOVERNMENT OF THE REPUBLIC OF MACEDONIA**

ARDIAN XHELADINI
Deputy Minister of Finance
of the Republic of Macedonia